

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2018/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2018/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thanh H, sinh năm 1981. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thanh N, sinh năm 1960. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2015).

- Bị đơn: Ông Lý Hải P, sinh năm 1950. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1982. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh K: Bà Phan Thanh N, sinh năm 1960. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

3. Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhan Anh D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Từ Minh P - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1961. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1960. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Cẩm H: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1961. Trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 08/12/2017).

7. Bà Võ Thị B, sinh năm 1949 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

8. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1953 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phan Thanh H, bị đơn ông Lý Hải P.

*(Bà Phan Thanh N, ông P, bà Nguyễn Thị N, ông Đ có mặt;
những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2015 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thanh H trình bày:

Nguồn gốc phần đất bà Phan Thanh H đang sử dụng và tranh chấp là của bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Đ hai lần. Cụ thể, ngày 22/8/2012 (âm lịch) bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng phần đất ngang 12 mét, dài từ lộ đến mé sông; lần thứ hai ngày 20/9/2012 (âm lịch), bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng phần đất ngang 1,5 mét dài từ lộ đến mé sông. Các lần chuyển nhượng đất, hai bên có làm giấy tay, lần thứ nhất có Trưởng ấp T là ông Huỳnh Thanh V ký xác nhận, lần thứ hai chỉ có hai bên ký vào giấy tay, không có xác nhận. Khi nhận chuyển nhượng đất, bà Phan Thanh H và ông Đ có tiến hành đo đạc và cắm cột ranh, khi cắm ranh có ông Lý Hải P chứng kiến và giữa phần đất của bà Phan Thanh H với ông P có cắm cột xi măng làm ranh. Tuy nhiên, cột xi măng này đã bị ông N (là con của ông P) nhổ mất và ông Lý Hải P

lần chiếm phần đất của bà Phan Thanh H với diện tích theo đo đạc thực tế là 7,9 m².

Nay bà Phan Thanh H yêu cầu ông Lý Hải P và bà Nguyễn Thị N trả lại phần đất đã lần chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là 7,9m², đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Lý Hải P trình bày:

Nguồn gốc phần đất ông đang sử dụng (bao gồm phần đất đang tranh chấp) là do ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn M (cha chồng của bà Lâm Thị Cúc H) vào năm 1982, chiều ngang 09 mét, chiều dài từ lộ đến mé sông, với giá 20.000 đồng/mét ngang. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông và ông M có làm giấy tay nhưng thời gian đã lâu nên giấy tay này đã bị thất lạc. Hai lần ông Đ chuyển nhượng đất cho bà Phan Thanh H thì ông đều chứng kiến. Lần thứ nhất bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng ngang 12 mét, lần thứ hai nhận chuyển nhượng thêm phần đất làm lối đi giáp lộ ngang 1,25 mét, mặt giáp sông CS là 0,8 mét, bà Phan Thanh H thỏa thuận với ông Đ là trả tiền 01 mét. Lần đầu có dùng cây cột xi măng khoảng 01 mét chặm để xác định ranh, lần sau bà Phan Thanh H mua hết phần đất của ông Đ, lấy từ ranh đất của ông đo sang cột ranh của bà Phan Thanh H có số đo như ở phần trên. Tuy nhiên, khi ông Đ chuyển nhượng đất cho bà Phan Thanh H chặm ranh qua phần đất của ông nên ông ngăn cản không cho ông Đ chặm nên hai bên tranh chấp. Ông thừa nhận con trai ông tên N có nhổ bỏ cây cột xi măng phía trước cặp lộ nông thôn do bà Phan Thanh H chặm, nhưng không có nhổ cây cột ở cặp mé sông. Lý do N nhổ cột xi măng của bà Phan Thanh H là vì bà Phan Thanh H chặm cột qua phần đất của ông khoảng 20 cm. Ông không có lần ranh của bà Phan Thanh H như bà Phan Thanh H trình bày. Nay bà Phan Thanh H yêu cầu ông và bà Nguyễn Thị N trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 7,9m² thì ông không đồng ý.

Phần đất tranh chấp giữa vợ chồng ông với bà Phan Thanh H và cả phần đất ông đang sử dụng đều do vợ chồng ông bồi đắp. Vợ chồng ông bồi đắp nhiều lần, cụ thể là thuê người múc đất bằng tay lấy đất dưới sông lên và cũng có thuê máy cày kéo đất chỗ khác đến lấp. Nếu Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thanh H là buộc vợ chồng ông trả lại đất tranh chấp thì ông cũng không yêu cầu bà Phan Thanh H trả lại giá trị công bồi đắp đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lý Hải P. Nay bà Phan Thanh H yêu cầu bà và ông Lý Hải P trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 7,9m² thì bà không đồng ý vì đây là đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn M.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 29

tháng 3 năm 2018 như sau: Phần đất tranh chấp giữa ông Lý Hải P với bà Phan Thanh H là đất bảo lưu ven sông, do Ủy ban nhân dân xã L quản lý, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hay cá nhân nào. Mặc dù, trên bản đồ địa chính thì Ủy ban nhân dân xã quản lý nhưng thực tế đây là đất của các hộ dân đã sử dụng ổn định nhiều năm. Vì vậy, khi có quy hoạch thì các hộ dân này vẫn được bồi thường theo pháp luật. Nay bà Phan Thanh H yêu cầu ông Lý Hải P trả lại phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 7,9m² thì Ủy ban nhân dân xã L không có ý kiến gì đối với phần đất nêu trên. Sau khi Tòa án xét xử xong, nếu đương sự đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân xã sẽ lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân huyện V xem xét để cấp quyền sử dụng đất.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2017 như sau: Phần đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào, thuộc đất bảo lưu ven sông. Phần đất tranh chấp đã được kê khai trong sổ mục kê năm 1997 tên Lý Hải P tại thửa số 10, tờ bản đồ số 10 diện tích 69m² và tên Nguyễn Cẩm H tại thửa số 09, tờ bản đồ số 10, diện tích 116,4m². Phần đất tranh chấp giữa bà Phan Thanh H và ông Lý Hải P do cơ quan chuyên môn Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định: Do diện tích tranh chấp quá nhỏ nên Ủy ban nhân dân huyện V không thể xác định chính xác thuộc thửa đất số 09 hay 10. Phần đất tranh chấp này thuộc tuyến Kênh CS - NQ - ND. Sau khi Tòa án tuyên xử thì đương sự liên hệ Ủy ban nhân dân huyện V để xem xét có được cấp giấy hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Đ và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cẩm H trình bày:

Nguồn gốc phần đất bà Phan Thanh H đang tranh chấp với ông Lý Hải P là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D vào năm 1994, chiều ngang 15 mét, chiều dài từ lộ nhựa đến mé sông là 09 mét và căn nhà tạm gắn liền với đất với giá 1.500.000 đồng.

Ngày 22/8/2012, vợ chồng ông chuyển nhượng đất cho bà Phan Thanh H, chiều ngang 12 mét với giá 102.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng có lập tờ sang nhượng đất có hai bên ký tên và Trưởng ấp T là ông Huỳnh Thanh V ký xác nhận. Sau đó, vợ chồng ông với bà Phan Thanh H có đo đạc thực tế và cắm cột làm ranh. Ngày 20/9/2012, vợ chồng ông tiếp tục chuyển nhượng cho bà Phan Thanh H thêm chiều ngang 1,5 mét, với giá 12.750.000 đồng, khi chuyển nhượng đất chỉ viết giấy tay không có chính quyền địa phương ký xác nhận. Nay ông và bà Nguyễn Cẩm H không có ý kiến gì về phần đất vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho bà Phan Thanh H.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh K là bà Phan Thanh N trình bày: Ông Nguyễn Minh K thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh H đòi ông Lý Hải P trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là $7,9m^2$, đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, vì phần đất đang tranh chấp với ông P là tài sản chung của ông và bà Phan Thanh H đã nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Đ vào năm 2012.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh H đối với ông Lý Hải P về tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Lý Hải P và Nguyễn Thị N di dời 04 trụ xi măng trên phần đất tranh chấp để trả lại cho bà Phan Thanh H phần đất đã lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế là $3,95m^2$, tại các thửa 09, 10, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

- Buộc bà Phan Thanh H phải di dời 02 trụ xi măng ra khỏi phần đất tranh chấp không được Tòa án chấp nhận để trả lại đất cho ông Lý Hải P; bà Phan Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Hải P, bà Nguyễn Thị N giá trị còn lại của một tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch (bờ kè) là 792.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B và ông Đặng Văn M đối với ông Lý Hải P về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất đã lấn chiếm diện tích $15,9m^2$; án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; lãi suất trong giai đoạn thi hành án; Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2018, bị đơn ông Lý Hải P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 28/9/2018, nguyên đơn bà Phan Thanh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng buộc ông P trả toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho bà, ông P phải chịu toàn bộ án phí, bà không đồng ý trả giá trị còn lại của cột bê tông là 792.000 đồng vì ông P đã cố tình xây qua phần đất của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thanh H giữ nguyên kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thanh H, không chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V về việc ghi nhận cho bà Phan Thanh H được quyền sở hữu 01 phần tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch cao 01m, diện tích 3,6m² (bờ kè) sau khi hoàn trả giá trị cho ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2015 và trích đo phần đất tranh chấp ngày 16/3/2016 thì phần đất tranh chấp có diện tích 7,9m², đất tại thửa 09, 10, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp giữa ông Lý Hải P và ông Lâm Văn Đ có số đo 16,12m;

Hướng Tây giáp phần đất của bà Phan Thanh H đang sử dụng không có tranh chấp và một phần giáp sông ND - CS có số đo 14,86m + 1,26m;

Hướng Nam giáp đường lộ nhựa T có số đo 0,15m;

Hướng Bắc giáp sông ND - CS có số đo 0,79m.

Hiện trạng trên phần đất có một bờ kè xây bằng tường chắn cột bê tông cốt thép (bờ kè) do ông Lý Hải P xây dựng, 04 trụ đá xi măng do ông P cắm, 02 trụ xi măng ở hai đầu phần đất tranh chấp do bà Phan Thanh H cắm để làm ranh đất với ông P.

[3] Bà Phan Thanh H xác định phần đất bà đang sử dụng và tranh chấp là của bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng của ông Lâm Văn Đ hai lần. Cụ thể, ngày 22/8/2012 (âm lịch) bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng phần đất ngang 12 mét, dài từ lộ đến mé sông; lần thứ hai ngày 20/9/2012 âm lịch, bà Phan Thanh H nhận chuyển nhượng phần đất ngang 1,5 mét dài từ lộ đến mé sông. Ông P xác định phần đất tranh chấp là của ông và bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn M vào năm 1982, chiều ngang 09 mét, dài từ lộ đến mé sông.

[4] Xét kháng cáo của ông P không đồng ý trả phần đất tranh chấp cho bà Phan Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P xác định ông sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1982 nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, năm 2014 ông P xây bờ kè nên phát sinh tranh chấp với bà Phan Thanh H. Theo Công văn số 510/UBND-NC ngày 09/5/2016 và Biên bản làm việc ngày 30/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 7,9m² thuộc đất bảo lưu ven sông, là phần giáp ranh giữa hai

thửa đất số 09, tờ bản đồ số 10 do bà Nguyễn Cẩm H đứng tên trong Sổ mục kê và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10 do ông Lý Hải P đứng tên trong Sổ mục kê năm 1997 xã L. Như vậy, Cơ quan chuyên môn cũng không xác định được phần đất tranh chấp thuộc thửa đất do ông P hay do bà Nguyễn Cẩm H đứng tên.

[5] Tại Sổ mục kê năm 1997 xã L thể hiện: Diện tích phần đất của ông Lý Hải P kê khai là 69m^2 , bà Nguyễn Cẩm H kê khai là $116,4\text{m}^2$; theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2010 của Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cung cấp, diện tích phần đất của bà Nguyễn Cẩm H và ông Lâm Văn Đ khi đo đạc (ngày 09/10/2010) có diện tích là $160,3\text{m}^2$ (chiều ngang cặp lộ là: $5,93\text{m} + 7,61\text{m} = 13,54\text{m}$; mặt giáp sông chiều ngang $13,39\text{m}$). Phần đất của ông Lý Hải P có diện tích là $108,9\text{m}^2$ (chiều ngang cặp lộ là: $4,82\text{m} + 3,78\text{m} = 8,6\text{m}$; chiều ngang giáp sông là: $6,76\text{m} + 3,43\text{m} = 10,19\text{m}$).

[6] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2015, cơ quan chuyên môn xác định: Phần đất bà Phan Thanh H đang sử dụng không tranh chấp chiều ngang cặp lộ nông thôn là: $3,95\text{m} + 9,44\text{m} = 13,39\text{m}$; mặt giáp sông là: $3,79\text{m} + 8,90\text{m} = 12,69\text{m}$. Nếu tính phần đất đang tranh chấp thì phần đất của bà Phan Thanh H có chiều ngang cặp lộ CS - NQ là: $13,39\text{m} + 0,15\text{m} = 13,54\text{m}$, mặt giáp sông là: $12,69\text{m} + 0,79\text{m} = 13,48\text{m}$. Như vậy, so với Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2010, phần đất của bà H có chiều ngang giáp lộ nhựa T (CS - ND) là $13,54\text{m}$ là không thay đổi về kích thước.

[7] Phần đất của ông P đang sử dụng không tranh chấp với bà Phan Thanh H chiều ngang cặp lộ nông thôn là: $8,37\text{m}$, mặt giáp sông là $7,8\text{m}$. Nếu tính luôn phần đất đang tranh chấp thì phần đất của ông P chiều ngang mặt giáp lộ CS - NQ là: $8,37\text{m} + 0,15\text{m} = 8,52\text{m}$, chiều ngang giáp sông là: $7,8\text{m} + 0,79\text{m} = 8,59\text{m}$. Như vậy, so với Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2010, phần đất của ông P bị chênh lệch chiều ngang cặp lộ là $0,08\text{m}$; chiều ngang giáp sông CS - NQ chênh lệch là $1,6\text{m}$. Mặt khác, diện tích phần đất bà Phan Thanh H và ông P đang sử dụng đều lớn hơn diện tích kê khai trong Sổ mục kê năm 1997. Như đã nhận định, không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất 09 hay thửa đất số 10 vì diện tích đất tranh chấp nhỏ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh H đối với diện tích đất $3,95\text{m}^2$ là có căn cứ. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P về việc không đồng ý trả toàn bộ phần đất tranh chấp cho bà H.

[8] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu ông P trả diện tích đất tranh chấp $7,9\text{m}^2$, Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã nhận định, không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất do ông P hay bà Nguyễn Cẩm H đứng tên nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông P trả diện tích đất tranh chấp $3,95\text{m}^2$ là phù hợp, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà H.

[9] Xét kháng cáo của bà H không đồng ý chịu tiền án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án như sau: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận...*”. Bà Phan Thanh H yêu cầu ông P trả diện tích đất 7,9m², nhưng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh H diện tích đất 3,95m² nên bà Phan Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của bà Phan Thanh H không được chấp nhận. Do đó, bà Phan Thanh H phải chịu án phí số tiền 200.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thanh H về việc buộc ông P phải chịu toàn bộ án phí.

[10] Xét kháng cáo của bà Phan Thanh H không đồng ý trả giá trị bằng tiền của tường chắn cột bê tông cốt thép số tiền 792.000 đồng do ông P xây dựng trên phần đất tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Trên phần đất tranh chấp có tường chắn cột bê tông cốt thép do ông P xây kiên cố, đủ căn cứ giao trả phần đất này cho bà Phan Thanh H. Do đó, nếu buộc ông P phải tháo dỡ tường chắn cột bê tông cốt thép thì không đảm bảo giá trị sử dụng của tường chắn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phan Thanh H trả giá trị bằng tiền của tường chắn cột bê tông là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà Phan Thanh H. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phan Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Hải P, bà Nguyễn Thị N giá trị còn lại của một tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch (bờ kè) là 792.000 đồng nhưng không tuyên cho bà Phan Thanh H được sở hữu phần tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch (bờ kè) cao 01m, diện tích 3,6m², do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần này.

[11] Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thanh H, không chấp nhận kháng cáo của ông P.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Hải P và bà Phan Thanh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 165; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 203 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thanh H, không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Hải P và sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thanh H đối với ông Lý Hải P về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Lý Hải P và bà Nguyễn Thị N di dời 04 trụ xi măng trên phần đất tranh chấp để trả lại cho bà Phan Thanh H phần đất có diện tích $3,95m^2$, tại các thửa đất số 09 và thửa đất số 10, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất đang tranh chấp giữa ông Lý Hải P và ông Lâm Văn Đ có số đo 16,12m;

- Hướng Tây giáp với phần đất của bà Phan Thanh H đang sử dụng không tranh chấp và một phần giáp với sông ND - CS có số đo 14,86m + 1,26m;

- Hướng Nam giáp với đường lộ nhựa T có số đo 0,075m;

- Hướng Bắc giáp sông ND - CS có số đo 0,395m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời bản án).

3. Buộc bà Phan Thanh H phải di dời 02 trụ xi măng ra khỏi phần đất tranh chấp không được Tòa án chấp nhận để trả lại đất cho ông Lý Hải P; buộc bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Hải P, bà Nguyễn Thị N giá trị còn lại của một tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch (bờ kè) là 792.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Bà Phan Thanh H được sở hữu phần tường chắn cột bê tông cốt thép, tường xây gạch (bờ kè) cao 01m, diện tích $3,6m^2$.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị B và ông Đặng Văn M đối với ông Lý Hải P về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất đã lấn chiếm có diện tích theo đo đạc thực tế là $15,9m^2$, đất tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.900.000 đồng. Ông Lý Hải P và bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.450.000 đồng; bà Phan Thanh H phải chịu 2.450.000 đồng. Bà Phan Thanh H đã nộp tạm

ứng 4.900.000 đồng, đã chi phí hết. Buộc ông P, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thanh H 2.450.000 đồng (*hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Đặng Văn M, bà Võ Thị B phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; ông M, bà B đã nộp đủ 2.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 05/01/2016 đã chi hết không được hoàn lại.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Hải P và bà P Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*). Bà Phan Thanh H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), bà Phan Thanh H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng theo Biên lai số 0000328 ngày 14/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bà Võ Thị B và ông Đặng Văn M không phải chịu dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà B, ông M 146.000 đồng (*một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 006453 ngày 06/7/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thanh H và ông Lý Hải P mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà Phan Thanh H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013225 ngày 28/9/2018 và ông Lý Hải P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013216 ngày 21/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

- Các đương sự (10 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

Châu Minh Nguyệt